

Bản án số: 13/2026/HNGĐST  
Ngày 26/3/2026, về việc “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Hữu Thúc**.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **ALăng Thị Phương**, ông **Nguyễn Thái Bình**.

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Bơ Nướch Rê** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đà Nẵng.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*  
Bà **ALăng Thị Tơ**- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 01/2026/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2026 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2026/QĐST-HNGĐ ngày 16/3/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lương Thị L**, sinh năm 1994, có mặt.

Địa chỉ: Thôn L, xã C, tỉnh Lạng Sơn.

- Bị đơn: Anh **Vũ Phương N**, sinh năm 1997, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lương Thị L trình bày:* Chị L với anh Vũ Phương N qua thời gian tìm hiểu và đến với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc hay lừa dối. Chúng tôi đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2022. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng chưa có con chung. Đầu năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn nhưng vẫn không tìm được tiếng nói chung, đến tháng 6/2025 thì mâu thuẫn trầm trọng do không cùng quan điểm sống và chị L bỏ về nhà bố mẹ ruột ở Lạng Sơn để sinh sống và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi sống ly thân đến nay vợ chồng không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại, tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, chị L yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn với anh N để mỗi người có cuộc sống riêng. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vũ Phương N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa hôm nay nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị đề nghị án là đúng pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng không tham gia các phiên họp, hòa giải, phiên tòa nên đã vi phạm pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh N. Về con chung: Không có, không đề cập giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị L có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Vũ Phương N, sinh năm 1997. Địa chỉ: Thôn A, xã T, thành phố Đà Nẵng. Vì vậy, việc khởi kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tại phiên tòa bị đơn anh Vũ Phương N vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nên căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị L, anh Vũ Phương N đến với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện C, tỉnh Lạng Sơn năm 2022 (nay là xã C, tỉnh Lạng Sơn). Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống thì giữa chị L với anh N phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo chị L trình bày là do thời gian tìm hiểu chưa lâu, khác nhau về vùng miền nên khi chung sống không hợp nhau nên phát sinh mâu thuẫn, các bên không tìm được tiếng nói chung dẫn đến vợ chồng cãi vã và đã sống ly thân một thời gian dài. Hơn nữa anh N không tham gia các phiên họp, hòa giải cũng như phiên tòa nên chứng tỏ anh N bỏ mặc, không quan tâm đến hạnh phúc vợ chồng. Hiện tại các bên không còn chung sống bên nhau trong một thời gian, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L xin ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn gia đình giữa chị L, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Về đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 12 - Đà Nẵng là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 264; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lương Thị L về việc “*Xin ly hôn*” đối với bị đơn anh Vũ Phương N.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị L được ly hôn với anh Vũ Phương N.

- Về con chung: Không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: chị Lương Thị L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000035 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc tổng đạt hợp lệ bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

### **Nơi nhận:**

- Các cơ quan tiến hành tố tụng;
- Các đương sự;
- UBND xã Chiến Thắng, tỉnh Lạng Sơn;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Hữu Thúc**